TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 913/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985; thường trú: Tổ 13, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 454/2 khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn X (tên gọi khác: V), sinh năm 1982; thường trú: Tổ 13, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 454/2 khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn X có thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 160, quyển số 01/2007 ngày 25 tháng 6 năm 2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ và chung sống tại 454/2 khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống chung được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X ham mê cờ bạc, rượu chè, không tôn trọng gia đình vợ. Quá trình sống chung, anh X cũng từng đánh đập chị T nhiều lần, thậm chí khi chị T có ý định ly hôn thì anh X còn dùng dao đe dọa giết chị T và cha

mẹ chị T. Chị T cũng đã nhiều lần tha thứ cho anh X để mong anh X thay đổi nhưng anh X không thực hiện được. Khoảng 05 tháng nay anh X dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng đã sống ly thân về mặt tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh X, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T có 02 con chung là Trần Thị Thùy M, sinh ngày 22/10/2006 và Trần Hoàng N sinh ngày 20/02/2009. Hiện nay các con đang ở chung với chị T. Do đó, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh X thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 05/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn X thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Kim T về thời gian tìm hiểu, quá trình chung sống. Theo anh X, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Do thời gian gần đây cha mẹ chị T có lên ở chung với vợ chồng nên có phát sinh mâu thuẫn giữa anh X và mẹ chị T. Anh X đã từng nhận lỗi và xin lỗi bố mẹ vợ nhưng không được cha mẹ tha thứ. Thời gian gần đây do mâu thuẫn căng thẳng nên anh tạm thời dọn ra ngoài sống riêng để bình tâm lại. Hiện nay anh X xác định vẫn còn tình cảm với chị T, thương các con nên không đồng ý ly hôn vì sợ các con khổ. Anh X mong muốn chị T cho cơ hội để đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh X có 02 con chung như chị Nguyễn Thị Kim T trình bày là đúng. Do không đồng ý ly hôn nên anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Tuy nhiên, nếu chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh X để tự các con quyết định lựa chọn muốn chung sống với ai. Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng theo mức chị T yêu cầu.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Trần Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố D tại Hội liên hiệp phụ nữ phường B, thành phố D thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường B không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn X. Đồng thời, Hội không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó, không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn X có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị T và anh X đều xác nhận

vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh X là trầm trọng, chị T có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, chị T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con chung đang chung sống với chị T, tại bản tự khai cháu Nguyễn Thị Thùy M và cháu Trần Hoàng N cũng có nguyện vọng được ở chung với mẹ. Anh X để tự các con quyết định lựa chọn muốn chung sống với ai nên yêu cầu của chị T về vấn đề nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Xét mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn X là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 160, quyển số 01/2007 ngày 25 tháng 6 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh X là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị T và anh X đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trong thời gian dài, không thể hòa giải và vợ chồng đang sống ly thân. Anh X xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc và để đạt được mục đích đó thì vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Anh X thừa nhận trong thời gian vợ chồng tạm thời sống ly thân thì anh có về nhà nhưng vợ chồng chỉ nói chuyện được vài câu thì lại phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh X cũng chưa có phương án nào để hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chỉ chờ thời gian cho chị T thay đổi ý định. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh X là trầm trọng, chị T yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn X có 02 con chung là Trần Thị Thùy M, sinh ngày 22/10/2006 và Trần Hoàng N sinh ngày 20/02/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh X nêu ý kiến tùy các con quyết định. Tại bản tự khai ngày 05/11/2020, cháu Trần Thị Thùy M và cháu Trần Hoàng N đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Thực tế kể từ thời điểm chị T và anh X sống ly thân thì hai cháu Thùy M và Hoàng N đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và các cháu vẫn được chăm sóc, phát triển tốt. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và việc học tập của các cháu cần giao cháu M và cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu anh Trần Văn X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con. Anh X đồng ý. Xét thấy anh Trần Văn X là người còn khả năng lao động và việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ đối với con chưa thành niên, mức cấp dưỡng trên là phù hợp với điều kiện và

thu nhập hàng tháng của anh Trần Văn X vì vậy anh X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Anh Trần Văn X có quyền đi lại thăm con.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn X không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Trần Văn X phải chịu cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Văn X (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 160, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 6 năm 2007).

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Trần Thị Thùy M, sinh ngày 22/10/2006 và Trần Hoàng N sinh ngày 20/02/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi người con là 1.000.000 đồng/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Văn X không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn X đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Trần Văn X lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Kim T nuôi con thì chị Nguyễn Thị Kim T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048841 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân thành phố D, tỉnh Bình Dương. Anh Trần Văn X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thắm